

Số: 1081 /QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên
hệ chính quy tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 144/QĐ-ĐHKTCN ngày 24/9/2019.

Điều 3. Trưởng các đơn vị liên quan, cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Duy Cường

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 4 năm 2022

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 1081 /QĐ- ĐHKTCN ngày 29 tháng 4 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTCN), sau đây gọi tắt là Quy định đánh giá kết quả rèn luyện, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ đại học chính quy (Đại học chính quy dài hạn, Liên thông chính quy, Sinh viên đại học chương trình tiên tiến; Sinh viên người nước ngoài học hệ đại học chính quy tại Trường cũng thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này) và sinh viên các hệ đào tạo phi chính quy nhưng được tổ chức, quản lý đào tạo tại Trường.

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Định hướng những nội dung rèn luyện cụ thể cho sinh viên trong hệ thống đào tạo theo hình thức tín chỉ

3. Là căn cứ để xét cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và các loại học bổng hàng năm của Trường, ưu tiên trong xét tiến độ học tập, căn cứ phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên hàng kỳ và toàn khoá.

Điều 3. Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên từng học kỳ, năm học và cuối khoá.

2. Quá trình đánh giá phải đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức và kết quả học tập;
- b) Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường;
- c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;
- d) Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng;
- e) Ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá theo thang điểm 100, tại mỗi mục đánh giá có khung điểm, nếu điểm cộng hoặc trừ tại mục đó vượt quá khung điểm thì lấy giá trị lớn nhất hoặc nhỏ nhất.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Căn cứ để xác định điểm là tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, có kết quả học tập tốt, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ học thuật, tham gia cuộc thi, công bố khoa học, nghiên cứu khoa học sinh viên, sáng tạo công nghệ và Olympic ở các cấp.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Kết quả học tập: Có điểm trung bình chung học kỳ ≥ 3.2 cộng 5 điểm; từ 2.5-3.19 cộng 4 điểm; từ 2.25-2.49 cộng 3 điểm; từ 2.0 đến 2.24 cộng 2 điểm.

b) Tham gia các câu lạc bộ học thuật (theo quyết định của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường hoặc Ban Chủ nhiệm khoa) cộng 1 điểm; các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, có bài báo hoặc báo cáo khoa học, tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ, sáng tạo khởi nghiệp và Olympic, thi tay nghề giỏi... cấp Trường cộng 4 điểm; Cấp Đại học cộng 5 điểm; Cấp tỉnh trở lên cộng 6 điểm.

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi: Không vi phạm quy chế thi, tất cả các môn đạt từ điểm 1 (thang điểm 4 - Điểm D thang điểm chữ) trở lên cộng 5 điểm

d) Có ý thức và thái độ trong học tập, đi học đầy đủ, đúng giờ: Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt $\geq 95\%$ cộng 4 điểm; đạt từ 90% đến cận dưới 95% cộng 3 điểm; đạt từ 85% đến cận dưới 90% cộng 2 điểm; đạt từ 80% đến cận dưới 85% cộng 1 điểm.

đ) Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập cộng 1-2 điểm

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm.

a) Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình dưới 80% trừ 1 điểm; cứ giảm 5% trừ tiếp 1 điểm và nếu dưới 50% trừ 10 điểm

b) Vi phạm quy chế thi và kiểm tra (trừ theo mức độ vi phạm): Khiển trách trừ 5 điểm; Cảnh cáo trừ 10 điểm; Đình chỉ trừ 15 điểm. Sinh viên vi phạm quy chế thi đã bị trừ điểm ở mục này thì không tiếp tục trừ tại Khoản 4, Điều 6 Quy chế này.

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức và kết quả việc chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Có ý thức chấp hành tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên triển khai trong Trường cộng 5 điểm.

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định của Trường

+ Không vi phạm nội quy, quy chế và các quy định của Trường cộng 5 điểm.

+ Sinh viên thực hiện tốt quy định nội/ngoại trú cộng 5 điểm.

+) Đóng học phí và các khoản lệ phí đúng quy định cộng 5 điểm.

+) Được khoa, Nhà trường, các đoàn thể biểu dương khen thưởng cộng 5 điểm.

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm.

a) Không tham gia bảo hiểm y tế trừ 20 điểm.

b) Vi phạm quy định đóng học phí và các loại phí khác theo quy định trừ 5 điểm.

c) Bị kỷ luật mức cảnh cáo trừ 20 điểm.

d) Bị kỷ luật khiển trách trừ 10 điểm.

đ) Vi phạm quy định nội, ngoại trú (Vi phạm từ 3 lần nội quy KTX, đăng ký ở nội trú nhưng không ở, không đăng ký tạm trú tạm vắng khi ngoại trú) trừ 20 điểm.

e) Không tham gia các hoạt động khảo sát khi Nhà trường triển khai trừ 5 điểm/ lần.

g) Vi phạm các nội quy liên quan đến giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm ... đến mức bị lập biên bản xử lý trừ 10 điểm/ lần vi phạm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao và phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt lớp, hoạt động tập thể của Lớp, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên (Tính tỷ lệ theo điểm hoạt động ngoại khóa do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức) cộng từ 1 đến 5 điểm.

b) Tham gia hoạt động ngoại khóa do Nhà trường, địa phương tổ chức được tích điểm trên hệ thống đánh giá của Nhà trường: Đạt ≥ 90 điểm ngoại khóa cộng 10 điểm; Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm ngoại khóa cộng 7 điểm; Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm ngoại khóa cộng 5 điểm;

c) Có thành tích trong học tập, rèn luyện, tham gia hoạt động văn nghệ, thể thao, đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội, được khen thưởng các cấp: Cấp khoa cộng 3 điểm; Cấp Trường cộng 4 điểm; Cấp Đại học Thái Nguyên trở lên cộng 5 điểm.

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm

a) Bỏ sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt Hội Sinh viên theo kế hoạch trừ 5 điểm /lần họp.

b) Không tham các hoạt động do khoa điều động (theo các chương trình và có danh sách cụ thể) trừ 5 điểm/ lần.

c) Sinh viên không hoàn thành chương trình tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học sẽ bị trừ 10 điểm.

Điều 8. Đánh giá về phẩm chất công dân; quan hệ với cộng đồng và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tích trong công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mối quan hệ cộng đồng, tinh thần giúp đỡ bạn bè, cứu trợ người gặp khó khăn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng cộng 5 điểm

b) Tham gia hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (phải đăng ký trước từ đầu kỳ, tùy kết quả tham gia và có minh chứng cụ thể) hoặc hoạt động kết nối cộng đồng (STEM, truyền thông, tuyên truyền tuyển sinh...) cộng từ 1-10 điểm tùy mức độ tham gia.

c) Tham gia công tác tình nguyện, chung sức vì cộng đồng, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tại địa phương, nơi cư trú; Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn cộng từ 1-10 điểm (tùy mức độ tham gia, có minh chứng cụ thể)

d) Giữ gìn đoàn kết nội bộ, quan hệ tốt với bạn bè, tập thể nơi cư trú cộng 5 điểm

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm.

a) Vi phạm pháp luật (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), thiếu ý thức tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, không chấp hành đầy đủ chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước trừ 20 điểm.

b) Gây mất đoàn kết trong lớp, trong Trường, trong ký túc xá, địa bàn nơi cư trú trừ 5 điểm/lần.

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức, mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường; và những sinh viên có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Sinh viên tham gia cấp ủy chi bộ, Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên, Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ hoàn

thành tốt nhiệm vụ, có uy tín và hiệu quả công việc được phân công cộng 5 điểm.

b) Sinh viên tham gia cấp ủy chi bộ, Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên, Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ; khi tập thể tham gia, phụ trách được cấp trên khen thưởng cộng 3 điểm.

c) Tập thể phụ trách có điểm rèn luyện đạt 85% xếp loại từ khá trở lên được cộng 2 điểm.

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: đạt các danh hiệu: Sinh viên giỏi, sinh viên xuất sắc, sinh viên 5 tốt từ cấp tỉnh trở lên, Sao tháng riêng, đảng viên xếp loại đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, sinh viên có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động văn nghệ, thể thao:

- Sinh viên là Cán bộ lớp, cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, sinh viên tham gia cấp ủy chi bộ được cộng từ 1-5 điểm (Tổng số điểm cộng trong mục 3 điều này không vượt quá 10 điểm)

- Sinh viên không phải là Cán bộ lớp, cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, chi ủy viên cộng từ 5-10 điểm (tùy mức độ và cấp khen thưởng)

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm Sinh viên là Cán bộ lớp, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên.

a) Không tổ chức thực hiện sinh hoạt tập thể theo kế hoạch của khoa, Trường, Đoàn thanh niên, hội sinh viên cấp trên trừ 5 điểm/lần.

b) Tập thể phụ trách có điểm rèn luyện dưới 60% đạt loại trung bình trở lên

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;

c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;

d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;

đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;

e) Dưới 35 điểm: loại kém.

2. Những sinh viên bị kỷ luật hoặc có hoàn cảnh đặc biệt được quy định như sau:

a) Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

b) Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

c) Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

d) Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

đ) Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

e) Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

g) Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

h) Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân trong học kỳ, tự đánh giá vào Phụ lục kèm theo.

2. Tổ chức họp lớp có Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

Chủ nhiệm lớp /cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa).

3. Hội đồng đánh giá cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp Trường).

4. Hội đồng cấp Trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho Sinh viên biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền.

a) Thành phần Hội đồng cấp Trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên (CT HSSV)

- Thư ký Hội đồng: Nhân viên phòng CT HSSV và một số đơn vị phòng có liên quan.

- Uỷ viên Hội đồng: Ban chủ nhiệm các khoa, bộ môn trực thuộc Trường, đại diện Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Trường: Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của phòng CT HSSV, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên.

a) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng đơn vị hoặc Phó trưởng đơn vị được Trường đơn vị uỷ quyền.

- Các uỷ viên: Trợ lý công tác sinh viên, Chủ nhiệm lớp (hoặc cố vấn học tập), đại diện Ban Chấp hành Liên Chi đoàn, Liên Chi hội.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa:

Căn cứ đề nghị của tập thể lớp sinh viên và Chủ nhiệm lớp, Trợ lý khoa có trách nhiệm giúp Hội đồng và Trưởng đơn vị đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

3. Đánh giá rèn luyện sinh viên của các đơn vị khác có liên quan.

Căn cứ đề nghị của tập thể lớp sinh viên và Chủ nhiệm lớp, Trợ lý đơn vị có trách nhiệm giúp Trưởng đơn vị đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

Điều 13. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của Trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của Sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của Nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học và toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của cơ sở giáo dục đại học, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra Trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được cơ sở giáo dục đại học xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn

luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai (tính trong toàn khóa học) thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Quy chế này gồm 5 Chương, 15 Điều trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tình hình thực tế, Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp sẽ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định này hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện cho phù hợp với các quy định của pháp luật, các quy chế và quy định hiện hành của Nhà trường./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1081/QĐ- ĐHKTCN, ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Họ và tên:.....Ngày sinh:.....
 Lớp:Khoa:.....Khoá:.....
 MSSV:..... Học kỳ: Năm học: 20..... - 20.....

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm	Điểm do SV tự đánh giá	Điểm do lớp đánh giá	Điểm do HĐ khoa đánh giá
I.	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA HỌC TẬP (Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm)				
Phần cộng điểm					
1	Điểm thường về học tập:				
1.1	Có điểm TBCHT >= 3.2	5			
1.2	Có điểm TBCHT từ 2.5 đến 3.19	4			
1.3	Có điểm TBCHT từ 2.25 đến 2.49	3			
1.4	Có điểm TBCHT từ 2.0 đến 2.24	2			
2	Tham gia các hoạt động khoa học sinh viên (NCKH, bài báo, thi olympic, Robocon, sáng tạo, khởi nghiệp....)				
2.1	Cấp khoa hoặc trường	4			
2.2	Cấp Đại học	5			
2.3	Cấp tỉnh trở lên	6			
2.4	Tham gia Câu lạc bộ học thuật của trường	1			
3	Thực hiện nội quy, quy chế học tập:				
3.1	Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra, tất cả các môn thi đạt từ điểm D trở lên	5			
3.2	Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt ≥ 80% đến cận dưới 85% được 1 điểm, (cứ tăng 5% cộng thêm 1 điểm);	1÷4			
3.3	Có tình thân vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	1÷2			
Phần trừ điểm					
4	Tỷ lệ tham gia lớp học dưới 80% (cứ giảm 5% trừ thêm 1 điểm); nếu dưới 50% trừ 10 điểm	1÷10			
5	Vi phạm quy chế thi và kiểm tra (trừ theo mức độ vi phạm: Khiển trách trừ điểm 5 điểm; Cảnh cáo trừ 10 điểm; Đình chỉ trừ 15 điểm; không tiếp tục trừ tại mục II.5 và II.6)	-5÷15			
II.	ĐÁNH GIÁ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ TRONG NHÀ TRƯỜNG: (Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)				
Phần cộng điểm					
1	Có ý thức chấp hành tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên triển khai trong trường	5			
2	Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định của trường				
2.1	Không vi phạm quy chế, nội quy và các quy định của trường	5			
2.2	Sinh viên thực hiện tốt quy định nội/ngoại trú	5			
2.3	Đóng học phí và các khoản lệ phí đúng quy định	5			
2.4	Được Khoa, nhà trường, các đoàn thể biểu dương khen thưởng	5			
Phần trừ điểm (Tổng điểm trừ không vượt quá 25 điểm)					
3	Không tham gia Bảo hiểm Y tế	- 20			
4	Vi phạm quy định đóng học phí và các loại phí khác theo quy định	- 5			
5	Vi phạm Quy chế HSSV bị kỷ luật mức cảnh cáo trở lên	-20			
6	Vi phạm Quy chế HSSV bị kỷ luật khiển trách	- 10			
7	Vi phạm quy định nội, ngoại trú (Không làm thủ tục nội trú, ngoại trú, không vào ở KTX theo sự phân công của khoa)	-20			
8	Không tham gia các hoạt động khảo sát khi Nhà trường triển khai	-5/ lần			
9	Vi phạm các nội quy liên quan đến giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm ... đến mức bị lập biên bản xử lý	-10/ lần			
III.	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI: (Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm)				
Phần cộng điểm					
1	Tham gia đầy đủ hoạt động tập thể của Lớp, Chi đoàn, Liên chi đoàn, Liên	1÷5			



	chi hội, Hội sinh viên (Tùy mức độ tham gia)			
2	Tham gia các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường, địa phương tổ chức			
2.1	Đạt ≥ 90 điểm	10		
2.2	Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm	7		
2.3	Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm	5		
3	Có thành tích trong học tập, rèn luyện, tham gia hoạt động văn nghệ, thể thao, đấu tranh, phòng chống TNXH, được khen thưởng cấp:	0÷5		
+	Cấp khoa	2		
+	Cấp trường	3		
+	Cấp Đại học	4		
+	Cấp Tỉnh trở lên	5		
Phần trừ điểm (Tổng điểm trừ không vượt quá 20 điểm)				
4	Bỏ sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt Hội sinh viên theo kế hoạch	-5/lần họp		
5	Không tham các hoạt động do khoa điều động (có danh sách cụ thể)	-5/lần		
6	Sinh viên không hoàn thành chương trình tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, cuối khóa, đầu năm học	-10		
IV. ĐÁNH GIÁ VỀ PHẨM CHẤT CÔNG DÂN VÀ QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG: (Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)				
Phần cộng điểm				
1	Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng	5		
2	Tham gia hoạt động hỗ trợ nhau trong học tập (Có đăng ký từ đầu kỳ và mình chứng kết quả cụ thể), hoạt động kết nối cộng đồng (STEM, truyền thông, tuyên truyền tuyển sinh...)	1÷10		
3	Tham gia công tác tình nguyện, chung sức vì cộng đồng, có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn, các hoạt động tại địa phương nơi cư trú (Tùy mức độ tham gia, có minh chứng cụ thể)	1÷10		
4	Giữ gìn đoàn kết nội bộ, quan hệ tốt với bạn bè, tập thể nơi cư trú	5		
Phần trừ điểm (Tổng điểm trừ không vượt quá 25 điểm)				
5	Vi phạm pháp luật (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), thiếu ý thức tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, không chấp hành đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	-10		
6	Gây mất đoàn kết trong lớp, trong trường, trong KTX, địa bàn nơi cư trú	-5/lần		
V. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA PHỤ TRÁCH LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG, HOẶC ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN (Khung điểm đánh giá từ 0-10 điểm)				
Phần cộng điểm (Tổng phần cộng không quá 10 điểm)				
1	Sinh viên tham gia cấp ủy chi bộ, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có uy tín và hiệu quả trong công việc được phân công	5		
2	Sinh viên tham gia cấp ủy chi bộ, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên; khi tập thể tham gia, phụ trách được cấp trên khen thưởng	3		
3	Tập thể phụ trách có điểm rèn luyện đạt 85% xếp loại từ khá trở lên	2		
4	Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: đạt các danh hiệu: SV giỏi, SV xuất sắc, SV 5 tốt từ cấp tỉnh trở lên, Sao tháng riêng, Đảng viên xếp loại đủ tư cách hoàn thành XS nhiệm vụ, SV có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động Văn nghệ, thể thao:			
+	SV là cán bộ lớp, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, sinh viên tham gia cấp ủy chi bộ	1-5		
+	SV không phải là Cán bộ lớp, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, chi ủy viên (tùy mức độ khen thưởng)	5-10		
Phần trừ điểm				
5	Không tổ chức thực hiện sinh hoạt tập thể theo kế hoạch của khoa, trường, Đoàn thanh niên, hội sinh viên cấp trên	-5/lần		
6	Tập thể lớp có điểm rèn luyện dưới 60% đạt loại trung bình trở lên	-5		
TỔNG CỘNG:				

Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá cấp Khoa:.....Bằng chữ:.....

Thái Nguyên, ngày tháng năm 202...

GIÁO VIÊN CN
(Ký, ghi họ tên)

LỚP TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên)

CHỦ KÝ CỦA SINH VIÊN
(Ký, ghi họ tên)

